



**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11/06/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28/07/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 27/06/2018.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2020: 10.000.000.000 đồng.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 24.38256547 - 39717189
- Fax: (84) 24.39717189
- Website: <http://www.hevobco.com.vn>
- Email: info@hevobco.com.vn - hevobco@yahoo.com

Ngành nghề kinh doanh

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 28 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Phạm Quỳnh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 02/07/2020 |
| • Bà Mai Nhị Hà | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 24/05/2019 |
| | | Miễn nhiệm ngày 25/06/2020 |
| • Ông Phạm Gia Trí | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30/01/2018 |
| • Ông Lê Quang Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 30/01/2018 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|-----------------------|---------|------------------------------|
| • Ông Trần Trọng Tiến | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30/01/2018 |
| • Ông Đặng Văn Tuyền | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 16/05/2019 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Trần Công Thanh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 24/05/2019 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Vân | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30/01/2018 |
| • Ông Trần Đình Hoàng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 24/05/2019 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Gia Trí | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 31/01/2018 |
| • Ông Trần Trọng Tiến | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 31/01/2018 |
| • Ông Lê Quang Dũng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 31/01/2018 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

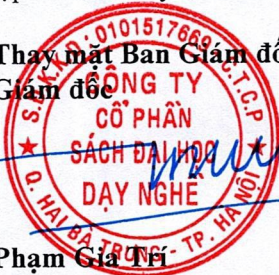
- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc



Phạm Gia Trí

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2020



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 893/2020/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 20/07/2020 của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 08 năm 2020

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.095.847.674	20.229.628.554
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.520.593.837	2.127.372.907
1. Tiền	111	5	1.520.593.837	2.127.372.907
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	6.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.798.417.499	6.057.173.994
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	15.928.160.056	5.910.948.728
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	186.580.500	328.930.500
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	48.026.516	138.734.247
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(364.349.573)	(321.439.481)
IV. Hàng tồn kho	140	10	7.540.807.490	5.572.439.953
1. Hàng tồn kho	141		8.492.680.466	6.543.968.210
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(951.872.976)	(971.528.257)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		236.028.848	472.641.700
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	236.028.848	472.641.700
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		358.287.674	1.227.639.947
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		75.072.000	75.072.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	75.072.000	75.072.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	-	-
- Nguyên giá	222		1.009.219.000	1.009.219.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.009.219.000)	(1.009.219.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	757.887.929
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	1.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(242.112.071)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		283.215.674	394.680.018
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	283.215.674	394.680.018
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		25.454.135.348	21.457.268.501

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.110.573.508	5.823.474.547
I. Nợ ngắn hạn	310		10.110.573.508	5.823.474.547
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	7.729.648.704	4.964.517.803
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	34.599.060	605.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	403.717.688	163.167.758
4. Phải trả người lao động	314		624.381.590	232.108.957
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.159.997.500	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	40.875.355	128.311.269
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		117.353.611	334.763.560
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.343.561.840	15.633.793.954
I. Vốn chủ sở hữu	410		15.343.561.840	15.633.793.954
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	962.203.411	962.203.411
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	2.491.358.429	2.781.590.543
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.481.590.543	1.309.082.253
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.009.767.886	1.472.508.290
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		25.454.135.348	21.457.268.501



Phạm Gia Trí

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2020

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Lê Quang Dũng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	17.242.475.767	24.120.242.565
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		17.242.475.767	24.120.242.565
4. Giá vốn hàng bán	11	21	12.055.581.964	16.594.836.081
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		5.186.893.803	7.525.406.484
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	93.669.857	83.805.990
7. Chi phí tài chính	22	23	(242.112.071)	64.438.838
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	24.a	1.056.931.472	1.558.598.354
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.b	3.176.690.152	4.150.066.474
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.289.054.107	1.836.108.808
11. Thu nhập khác	31		-	341.083
12. Chi phí khác	32		-	476.641
13. Lợi nhuận khác	40		-	(135.558)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.289.054.107	1.835.973.250
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	279.286.221	390.144.398
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.009.767.886	1.445.828.852
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.010	1.346
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	1.010	1.346



Phạm Gia Trí

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2020

Kế toán trưởng

(Signature)
Lê Quang Dũng

Người lập biểu

(Signature)
Lê Quang Dũng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		7.377.523.109	10.377.139.666
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(11.392.885.699)	(15.059.913.202)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.113.242.000)	(1.725.901.500)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(14.589.041)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	15	(123.488.986)	(98.176.967)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		147.255.838	206.360.260
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(426.145.436)	(410.426.252)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.530.983.174)	(6.725.507.036)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		6.000.000.000	5.000.000.000
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.000.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8,22	224.204.104	143.021.674
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.224.204.104	5.143.021.674
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	2.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(2.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18	(1.300.000.000)	(1.100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.300.000.000)	(1.100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(606.779.070)	(2.682.485.362)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	2.127.372.907	4.393.312.100
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	1.520.593.837	1.710.826.738



Phạm Gia Trí

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2020

Kế toán trưởng


Lê Quang Dũng

Người lập biểu


Lê Quang Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11/06/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28/07/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 27/06/2018.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: *Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục; buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.*

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 (Bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí công in, nhuận bút, phí quản lý xuất bản, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên chi phí công in.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Hiện nay, toàn bộ các tài sản cố định hữu hình của Công ty đã được khấu hao hết.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Phí quản lý xuất bản, phí đấu thầu bản thảo trả trước cho các sách chưa in được phân bổ căn cứ vào số lượng sách in nhập kho;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Chi phí phải trả của Công ty là phí đầu thầu bản thảo của số lượng sách in vượt hợp đồng hoặc giá bìa sách in cao hơn hợp đồng thầu nhưng chưa có hóa đơn.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm.

4.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Các loại sách cho đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại sổ sách chuyên môn áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2020	01/01/2020
Tiền mặt	112.571.725	288.532.537
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.408.022.112	1.838.840.370
Cộng	1.520.593.837	2.127.372.907

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	2.019.220.880	-
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	1.888.476.520	-
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	5.119.147.319	-
Các đối tượng khác	6.901.315.337	5.910.948.728
Cộng	15.928.160.056	5.910.948.728

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	Chung Công ty đầu tư	2.019.220.880	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	5.119.147.319	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	1.888.476.520	-
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	4.368.011.788	213 145 518
Cộng		13.394.856.507	213 145 518

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Thương mại LIC Việt nam	156.580.500	-
Các đối tượng khác	30.000.000	328.930.500
Cộng	186.580.500	328.930.500

8. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	8.200.000	-	8.200.000	-
Lãi dự thu	-	-	130.534.247	-
Phải thu khác	39.826.516	-	-	-
Cộng	48.026.516	-	138.734.247	-

b. Dài hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	75.072.000	-	75.072.000	-
Cộng	75.072.000	-	75.072.000	-

9. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	364.349.573	321.439.481
- Từ 3 năm trở lên	280.309.481	261.189.481
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	41.508.600	7.000.000
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	20.497.000	47.250.000
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	22.034.492	6.000.000
Cộng	364.349.573	321.439.481

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Nợ xấu

	30/06/2020			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng				
- Công ty CP Việt Thường - Nhà sách Cáo Thơm	50.234.301		- Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Sở Giáo dục Đào tạo Bắc Kạn	45.446.334		- Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác	450.657.149	181.988.211	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	546.337.784	181.988.211		

	01/01/2020			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng				
- Công ty CP Việt Thường - Nhà sách Cáo Thơm	50.234.301		- Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Sở Giáo dục Đào tạo Bắc Kạn	45.446.334		- Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác	282.520.846	56.762.000	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	378.201.481	56.762.000		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào giá gốc của khoản phải thu trừ đi mức dự phòng cần trích lập.

10. Hàng tồn kho

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	321.955.131	-	90.600.138	-
Thành phẩm	7.803.772.742	(951.872.976)	6.076.044.035	(971.528.257)
Hàng hóa	366.952.593	-	377.324.037	-
Cộng	8.492.680.466	(951.872.976)	6.543.968.210	(971.528.257)

- Giá trị các loại sách chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2020 là 2.338.794.883 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch tìm kiếm khách hàng, tăng tỷ lệ chiết khấu để tiêu thụ các loại sách này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Phí quản lý xuất bản	202.954.348	439.567.200
Chi phí thuê cửa hàng	33.074.500	33.074.500
Cộng	236.028.848	472.641.700

b. Dài hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	76.502.234	113.427.778
Phí đấu thầu bản thảo	91.620.000	99.020.000
Chi phí mua bản quyền ấn phẩm	115.093.440	182.232.240
Cộng	283.215.674	394.680.018

12. Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định hữu hình là phương tiện vận tải có nguyên giá là 1.009.219.000 đồng, đã hết khấu hao.
- Không có tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2020.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP In Phúc Yên	911.640.303	585.224.942
Nhà máy In Bộ Quốc Phòng	2.272.490.701	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	1.080.398.925	479.090.200
Các đối tượng khác	3.465.118.775	3.900.202.661
Cộng	7.729.648.704	4.964.517.803

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2020	01/01/2020
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	1.080.398.925	479.090.200
Công ty CP sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	200.000.000	700.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	178.830.000	172.970.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung Công ty đầu tư	129.380.000	100.000.000
Công ty CP Phát hành sách Giáo dục	Chung Công ty đầu tư	306.117.650	-
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	60.428.480	50.000.000
Cộng		1.955.155.055	1.502.060.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Hiệu sách Hoàng Hương	33.994.760	-
Các đối tượng khác	604.300	605.200
Cộng	34.599.060	605.200

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	11.972.742	107.863.407	11.972.742	107.863.407
Thuế thu nhập doanh nghiệp	93.488.986	279.286.221	123.488.986	249.286.221
Thuế thu nhập cá nhân	57.706.030	57.189.299	68.327.269	46.568.060
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	163.167.758	447.338.927	206.788.997	403.717.688

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Trích trước chi phí tem	1.065.000.000	-
Các khoản phải trả khác	94.997.500	-
Cộng	1.159.997.500	-

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	40.875.355	33.267.235
Phải trả khác	-	95.044.034
Cộng	40.875.355	128.311.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	2.409.082.253	15.261.285.664
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.972.508.290	1.972.508.290
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.600.000.000	1.600.000.000
Số dư tại 31/12/2019	<u>10.000.000.000</u>	<u>1.890.000.000</u>	<u>962.203.411</u>	<u>2.781.590.543</u>	<u>15.633.793.954</u>
Số dư tại 01/01/2020	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	2.781.590.543	15.633.793.954
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.009.767.886	1.009.767.886
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000
Số dư tại 30/06/2020	<u>10.000.000.000</u>	<u>1.890.000.000</u>	<u>962.203.411</u>	<u>2.491.358.429</u>	<u>15.343.561.840</u>

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức đã chia	1.300.000.000	1.100.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	2.781.590.543	2.409.082.253
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.009.767.886	1.445.828.852
Phân phối lợi nhuận	1.300.000.000	1.200.000.000
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước (chia cổ tức)	1.300.000.000	1.100.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (trích quỹ KTPL)	-	100.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	2.491.358.429	2.654.911.105

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 25/06/2020 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 với tỷ lệ 13%/vốn điều lệ, tương ứng 1.300.000.000 đồng. Theo đó, công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2020.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty TNHH Thương mại Văn hóa Nam Việt	565.679.294	Khách hàng đã phá sản

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Doanh thu sách các loại	14.875.480.791	22.379.586.648
Doanh thu khác	2.366.994.976	1.740.655.917
Cộng	17.242.475.767	24.120.242.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Giá vốn sách các loại	10.117.368.238	15.027.523.170
Giá vốn khác	1.957.869.007	1.603.498.611
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(19.655.281)	(36.185.700)
Cộng	12.055.581.964	16.594.836.081

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	93.669.857	83.466.118
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	339.872
Cộng	93.669.857	83.805.990

23. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Chi phí lãi vay	-	14.589.041
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(242.112.071)	49.849.797
Cộng	(242.112.071)	64.438.838

24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Chi phí nhân công	383.099.364	440.633.579
Chi phí bốc xếp, vận chuyển hàng tiêu thụ	145.376.154	361.598.476
Chi phí thuê kho, cửa hàng	300.466.666	485.142.000
Các khoản khác	227.989.288	271.224.299
Cộng	1.056.931.472	1.558.598.354

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Chi phí nhân công	2.093.476.175	2.912.547.924
Chi phí thuê nhà	198.447.000	198.447.000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	42.910.092	40.567.110
Các khoản khác	841.856.885	998.504.440
Cộng	3.176.690.152	4.150.066.474

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.289.054.107	1.835.973.250
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	107.377.000	114.748.741
- Điều chỉnh tăng	107.377.000	114.748.741
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	64.177.000	73.064.741
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	43.200.000	41.684.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.396.431.107	1.950.721.991
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	279.286.221	390.144.398
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	279.286.221	390.144.398
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

26. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.009.767.886	1.445.828.852
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(100.000.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	100.000.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.009.767.886	1.345.828.852
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.010	1.346

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Chi phí nhân công	2.476.575.539	3.353.181.503
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.425.911.709	14.951.979.678
Chi phí khác bằng tiền	664.267.769	617.083.149
Cộng	<u>15.566.755.017</u>	<u>18.922.244.330</u>

28. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Báo cáo bộ phận theo nhóm sản phẩm	Sách Đại học dạy nghề và xuất bản phẩm		Tem công nghệ 4.0		Hàng hóa khác		Tổng cộng	
	6 tháng 2020	6 tháng 2019	6 tháng 2020	6 tháng 2019	6 tháng 2020	6 tháng 2019	6 tháng 2020	6 tháng 2019
Doanh thu nhóm sản phẩm	14.241.514.291	20.154.616.110	2.279.620.000	531.807.340	721.341.476	3.433.819.115	17.242.475.767	24.120.242.565
Giá vốn bán hàng nhóm sản phẩm	9.628.659.497	13.367.736.020	1.882.188.000	465.720.045	544.734.467	2.761.380.016	12.055.581.964	16.594.836.081
Lợi nhuận gộp nhóm sản phẩm	4.612.854.794	6.786.880.090	397.432.000	66.087.295	176.607.009	672.439.099	5.186.893.803	7.525.406.484
Các khoản không phân bổ								
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	1.056.931.472	1.558.598.354
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	3.176.690.152	4.150.066.474
Doanh thu tài chính	-	-	-	-	-	-	93.669.857	83.805.990
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(242.112.071)	64.438.838
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	1.289.054.107	1.836.108.808
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	341.083
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	476.641
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-	-	-	(135.558)
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	1.289.054.107	1.835.973.250
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	-	-	279.286.221	390.144.398
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	-	-	-	-	-	1.009.767.886	1.445.828.852

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ và các khoản đi vay nên Công ty không chịu rủi ro về tỷ giá, lãi suất. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn chiếm phần lớn trong giá vốn hàng bán nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau hơn nữa khách hàng của Công ty là các Công ty Sách lớn hoặc Bộ Giáo dục, các Trường Đại học. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty cũng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	Đơn vị tính: VND		
30/06/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	7.729.648.704	-	7.729.648.704
Chi phí phải trả	1.159.997.500	-	1.159.997.500
Cộng	8.889.646.204	-	8.889.646.204
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.964.517.803	-	4.964.517.803
Phải trả khác	95.044.034	-	95.044.034
Cộng	5.059.561.837	-	5.059.561.837

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.520.593.837	-	1.520.593.837
Phải thu khách hàng	15.563.810.483	-	15.563.810.483
Phải thu khác	48.026.516	75.072.000	123.098.516
Cộng	17.132.430.836	75.072.000	17.207.502.836
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.127.372.907	-	2.127.372.907
Đầu tư tài chính	-	757.887.929	757.887.929
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Phải thu khách hàng	5.589.509.247	-	5.589.509.247
Phải thu khác	138.734.247	75.072.000	213.806.247
Cộng	13.855.616.401	832.959.929	14.688.576.330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Phát hành sách Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019	
Bán hàng			
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Bán sách xuất bản	6.221.348.287	7.816.773.804
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Bán sách xuất bản	2.019.220.880	2.718.550.140
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Bán sách xuất bản	2.108.476.520	3.318.617.960
Công ty CP Sách và TBGD miền Trung	Bán sách xuất bản	1.112.204.640	1.486.931.890
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Bán sách xuất bản	638.631.840	1.299.650.460
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bán sách xuất bản	939.550.000	-
Mua hàng			
Công ty CP Phát hành sách Giáo dục	Mua sách	420.262.500	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí quản lý xuất bản	628.708.725	1.038.928.670
	Tem chống giả	72.600.000	87.120.000

c. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
Lương Ban Giám đốc	594.567.200	603.494.060
Thu nhập Hội đồng quản trị	100.200.000	80.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 31/12/2019, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Phạm Gia Trí

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2020

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Lê Quang Dũng